

Số: 259 /TTr-UBND

An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024 như sau:

#### I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Theo nội dung tại Điều 16 Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017 quy định:

“Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Quyết định, điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, hằng năm của chính quyền địa phương theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước...”

Tại khoản 8 Điều 6 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP quy định:

“Điều 6. Kế hoạch vay, trả nợ hằng năm

8. Việc điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật ngân sách nhà nước.”

2. Quá trình triển khai thực hiện có phát sinh nhu cầu kế hoạch vay đối với dự án Tiểu dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú, cụ thể:

Theo Công văn số 62/SNNPTNT-QLXDCT ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong quá trình triển khai thực hiện Tiểu dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (WB9), gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, xử lý kỹ thuật phát sinh đối với gói thầu số 14 và số 15, vì vậy dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn vay lại năm 2023, kế hoạch vốn vay lại năm 2023 còn lại chưa giải ngân là 15.067 triệu đồng.

Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư (lần 5) tại Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 với thời gian thực hiện dự án đến ngày 30/6/2024 và được cấp thẩm quyền chủ trương gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng các gói thầu đến ngày 30/4/2024.

Đồng thời, theo Thư của Ngân hàng Thế giới ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong đó ngày kết thúc khoản tín dụng của dự án được Ngân hàng Thế giới ấn định ngày 30/6/2024.

Nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn vay lại cho Dự án để thực hiện trong năm 2024 là 15.067 triệu đồng. Việc bổ sung kế hoạch vốn vay lại cho Dự án dựa trên cơ sở sau:

Theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, trong đó tổng số vay trong năm 2024 giao cho tỉnh An Giang là 103.700 triệu đồng (gồm: vay để bù đắp bội chi là 82.200 triệu đồng, vay để trả nợ gốc là 21.500 triệu đồng).

Trên cơ sở dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023, phân bổ kế hoạch vốn vay lại vốn vay nước ngoài năm 2024 (kế hoạch vay để bù đắp bội chi) là 82.200 triệu đồng. Đối với nội dung vay trả nợ gốc 21.500 triệu đồng, do đã được bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh (vốn đầu tư công năm 2024) để trả nợ nên không có nhu cầu sử dụng vốn vay để trả nợ gốc.

Theo khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2024 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, có nêu:

*7. Vay và trả nợ gốc các khoản vay của ngân sách địa phương cấp tỉnh:*

*a) Các địa phương chỉ được phép vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc trong hạn mức Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao. Đối với các địa phương dự toán có vay để trả nợ gốc, sau khi đã bố trí chi trả nợ gốc theo quy định tại điểm c khoản này, địa phương được phép vay trong hạn mức vay đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao (không phân biệt vay trả nợ gốc hay vay bù đắp bội chi), đồng thời việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư phát triển từ khoản vay này phù hợp với tiến độ và mức vay cho phép;*

Ngày 23/02/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 1940/BTC-QLN về việc giao kế hoạch vốn vay lại năm 2024, theo đó đã có ý kiến như sau: *Năm 2024 tỉnh An Giang được giao hạn mức vay là 103,7 tỷ đồng, trong đó vay bù đắp bội chi là 82,2 tỷ đồng, vay trả nợ gốc là 21,5 tỷ đồng. Căn cứ quy định, trong trường hợp tỉnh An Giang đã bố trí chi trả nợ gốc theo quy định thì được phép vay trong hạn mức được giao 103,7 tỷ đồng không phân biệt vay trả nợ gốc hay vay bù đắp bội chi.*

Do đó, tổng mức vay trong năm 2024 đề nghị điều chỉnh là 97.267 triệu đồng, tăng 15.067 triệu đồng so với dự toán đầu năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 và

chiếm tỷ lệ 93,8% (97.267/103.700) so với dự toán được giao tại Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

## **II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

**1. Mục đích:** Điều chỉnh tổng mức vay của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024 để phù hợp tình hình thực tế, nhu cầu vốn thực hiện hoàn thành dự án Tiểu dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú và thời gian kết thúc khoản tín dụng được Ngân hàng Thế giới ấn định.

### **2. Quan điểm chỉ đạo:**

a) Tuân thủ trình tự, thủ tục theo các quy định về lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ phân bổ vốn cho các dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện các dự án ODA, thực hiện thủ tục vay, ghi vốn đầu tư ngân sách tỉnh hoàn trả đúng hạn các khoản nợ gốc vay, phí và lãi vay khi đến hạn.

## **III. Quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết**

Căn cứ Công văn số 192/UBND-TH ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh về việc đăng ký tổ chức kỳ họp chuyên đề (tháng 03 năm 2024) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026 và Công văn số 253/UBND-TH ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh về việc phân công chuẩn bị nội dung kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026 (tháng 4 năm 2024), trong đó UBND tỉnh giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung: Tờ trình ban hành Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024.

Ngày 26/02/2024, Sở Tài chính có Công văn số 456/STC-TCĐT về việc góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024, gửi Sở Tư pháp ý kiến góp ý và gửi Sở Thông tin Truyền thông thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý, Sở Tài chính đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024.

## **IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết**

**Điều 1.** Điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024, cụ thể:

1. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Kế hoạch vay năm 2024 của tỉnh theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng:

Tổng mức vay để bù đắp bội chi trong năm là 97.267 triệu đồng: Đây là khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư các dự án.

Các Phụ lục kèm theo:

a) Phụ lục I: Điều chỉnh Bội chi và phương án vay – trả nợ ngân sách địa phương năm 2024.

b) Phụ lục II: Điều chỉnh kế hoạch vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ năm 2024.”

2. Điều chỉnh khoản 4 Điều 1 như sau:

“4. Dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 306.700 triệu đồng, so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương đạt tỷ lệ 23,51% (306.700/1.304.600 triệu đồng).”

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ.... thông qua ngày.... tháng .... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch & các PCT;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, TP;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. TH, P.KTN, KGVX, KTTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Minh Thúy**

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH BỘỊ CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 259 /TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND	Dự toán điều chỉnh	So sánh
A	B	I	2	3	4=3-I
<b>A</b>	<b>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>6,289,000</b>	<b>6,523,000</b>	<b>6,523,000</b>	<b>234,000</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>14,651,715</b>	<b>16,643,652</b>	<b>16,643,652</b>	<b>1,991,937</b>
<b>C</b>	<b>BỘỊ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG /BỘỊ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	
1	Bộị chi	100,860	82,200	97,267	
2	Bộị thu				
<b>D</b>	<b>HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>1,257,800</b>	<b>1,304,600</b>	<b>1,304,600</b>	<b>46,800</b>
<b>E</b>	<b>KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>	<b>160,975</b>	<b>232,533</b>	<b>232,533</b>	<b>71,558</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>12.8%</i>	<i>17.8%</i>	<i>17.8%</i>	<i>152.90%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	154,773	232,533	232,533	77,760
3	Vay trong nước khác	6,202	0	0	-6,202
<b>II</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>	<b>29,302</b>	<b>23,100</b>	<b>23,100</b>	<b>-6,202</b>
<b>1</b>	<b>Theo nguồn vốn vay</b>	<b>29,302</b>	<b>23,100</b>	<b>23,100</b>	<b>-6,202</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	23,100	23,100	23,100	0
-	Vốn khác	6,202	0	0	-6,202
<b>2</b>	<b>Theo nguồn trả nợ</b>	<b>29,302</b>	<b>23,100</b>	<b>23,100</b>	<b>-6,202</b>
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
-	Bộị thu ngân sách địa phương				
-	Tăng thu, tiết kiệm chi				
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh				
-	Ngân sách địa phương	29,302	23,100	23,100	-6,202
<b>III</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>-3,593</b>
<b>1</b>	<b>Theo mục đích vay</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>-3,593</b>
-	Vay để bù đắp bộị chi	100,860	82,200	97,267	-3,593
-	Vay để trả nợ gốc				
<b>2</b>	<b>Theo nguồn vay</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>-3,593</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	100,860	82,200	97,267	-3,593
-	Vay trong nước khác				
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>232,533</b>	<b>291,633</b>	<b>306,700</b>	<b>74,167</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>18.5%</i>	<i>22.4%</i>	<i>23.51%</i>	<i>5.0%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	232,533	291,633	306,700	74,167
3	Vốn khác	0	0	0	0

<b>G</b>	<b>TRẢ NỢ LÃI, PHÍ</b>	<b>8,000</b>	<b>9,000</b>	<b>9,000</b>	<b>1,000</b>
----------	------------------------	--------------	--------------	--------------	--------------

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 259 /TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị : Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Chủ dự án	Quyết định	Tổng mức đầu tư			Tên nhà tài trợ	Giá trị hiệp định vay		Cơ chế tài chính			Lũy kế dư nợ địa phương vay lại vốn nước ngoài của Chính phủ đến cuối năm 2022	Năm 2023			Năm 2024						Dư nợ vay cuối năm 2024
				Tổng số	Trong đó			Số tiền	Loại tiền	NSTW cấp phát	Địa phương vay lại	Lãi và phí địa phương phải trả cho khoản vay lại		Thực hiện vay năm 2023	Nợ gốc phải trả	Lãi và phí phải trả	Kế hoạch vay lại năm 2024 theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND	Điều chỉnh kế hoạch vay lại năm 2024	Tăng/giảm	Trả nợ			
					Vốn đối ứng	Vay ưu đãi vốn ODA														Tổng	Nợ gốc	Lãi và phí phải trả	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2,918,312</b>	<b>683,823</b>	<b>2,234,489</b>				<b>1,435,279</b>	<b>799,210</b>		<b>154,773</b>	<b>100,860</b>	<b>23,100</b>	<b>8,000</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>15,067</b>	<b>32,100</b>	<b>23,100</b>	<b>9,000</b>	<b>306,700</b>
1	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc	BVĐK Khu vực tỉnh	1858/QĐ-UBND ngày 07/7/2016; 3139/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	323,714	65,572	258,142	Ku Wait	11.55	Triệu USD	###	25,814	2%	22,379	0	1,300	550	-	-	-	2,000	1,300	700	19,779
2	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang" (VILG)	Sở TN&MT	3215/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 1854/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	134,468	21,222	113,246	WB	5.16	Triệu USD	79,272	33,974	2.75%	15,453		2,700	1,000		0	-	3,600	2,700	900	10,053
3	Tiểu dự án: Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú, thuộc dự án: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long	Sở NN&PTNT	24/QĐ-UBND ngày 26/01/2022; 3088/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	692,196	178,015	514,181	WB	29.24	Triệu USD	###	154,254	2.25%	75,343	60,860	12,000	3,000		15,067	15,067	14,500	12,000	2,500	127,270
4	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	UBND TP. Long Xuyên	2251/QĐ-UBND 14/9/2018	1,287,322	375,322	912,000	WB	40.00	Triệu USD	###	410,400	2.5%	41,598	40,000	7,100	3,450	36,505	36,505	0	10,600	7,100	3,500	103,903
5	Dự án Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi An Giang	Ban QLDA ĐTXD KV tỉnh	168/QĐ-TTg ngày 04/02/2021; NQ số 25/NQ-HĐND ngày 28/9/2023	480,612	43,692	436,920	Chính phủ Áo	16.50	Triệu EUR	###	174,768	1.25%	0	0	0		45,695	45,695	0	1,400		1,400	45,695

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ  
của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính  
phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An  
Giang năm 2024;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng .... năm 2024 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm  
2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân  
sách tỉnh An Giang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; Ý  
kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách  
tỉnh An Giang năm 2024, cụ thể:

1. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Kế hoạch vay năm 2024 của tỉnh theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn  
vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng:

Tổng mức vay để bù đắp bội chi trong năm là 97.267 triệu đồng: Đây là  
khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và Hiệp định đã ký kết với nhà  
tài trợ nước ngoài để đầu tư các dự án.

Các Phụ lục kèm theo:

a) Phụ lục I: Điều chỉnh Bội chi và phương án vay – trả nợ ngân sách địa phương năm 2024.

b) Phụ lục II: Điều chỉnh kế hoạch vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ năm 2024.”

2. Điều chỉnh khoản 4 Điều 1 như sau:

“4. Dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 306.700 triệu đồng, so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương đạt tỷ lệ 23,51% (306.700/1.304.600 triệu đồng).”

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X kỳ họp lần thứ .... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng QH; Văn phòng CP;
- Các Bộ: Tài chính, KHĐT, NN&PTNT;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

**CHỦ TỊCH**

## Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND	Dự toán điều chỉnh	So sánh
A	B	1	2	3	4=3-1
<b>A</b>	<b>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>6,289,000</b>	<b>6,523,000</b>	<b>6,523,000</b>	<b>234,000</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>14,651,715</b>	<b>16,643,652</b>	<b>16,643,652</b>	<b>1,991,937</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG /BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	
1	Bội chi	100,860	82,200	97,267	
2	Bội thu				
<b>D</b>	<b>HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>1,257,800</b>	<b>1,304,600</b>	<b>1,304,600</b>	<b>46,800</b>
<b>E</b>	<b>KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>	<b>160,975</b>	<b>232,533</b>	<b>232,533</b>	<b>71,558</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>12.8%</i>	<i>17.8%</i>	<i>17.8%</i>	<i>152.90%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	154,773	232,533	232,533	77,760
3	Vay trong nước khác	6,202	0	0	-6,202
<b>II</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>	<b>29,302</b>	<b>23,100</b>	<b>23,100</b>	<b>-6,202</b>
<b>1</b>	<b>Theo nguồn vốn vay</b>	<b>29,302</b>	<b>23,100</b>	<b>23,100</b>	<b>-6,202</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	23,100	23,100	23,100	0
-	Vốn khác	6,202	0	0	-6,202
<b>2</b>	<b>Theo nguồn trả nợ</b>	<b>29,302</b>	<b>23,100</b>	<b>23,100</b>	<b>-6,202</b>
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
-	Bội thu ngân sách địa phương				
-	Tăng thu, tiết kiệm chi				
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh				
-	Ngân sách địa phương	29,302	23,100	23,100	-6,202
<b>III</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>-3,593</b>
<b>1</b>	<b>Theo mục đích vay</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>-3,593</b>
-	Vay để bù đắp bội chi	100,860	82,200	97,267	-3,593
-	Vay để trả nợ gốc				
<b>2</b>	<b>Theo nguồn vay</b>	<b>100,860</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>-3,593</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	100,860	82,200	97,267	-3,593
-	Vay trong nước khác				
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>232,533</b>	<b>291,633</b>	<b>306,700</b>	<b>74,167</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>18.5%</i>	<i>22.4%</i>	<i>23.51%</i>	<i>5.0%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	232,533	291,633	306,700	74,167
3	Vốn khác	0	0	0	0

<b>G</b>	<b>TRẢ NỢ LÃI, PHÍ</b>	<b>8,000</b>	<b>9,000</b>	<b>9,000</b>	<b>1,000</b>
----------	------------------------	--------------	--------------	--------------	--------------

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị : Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Chủ dự án	Quyết định	Tổng mức đầu tư			Tên nhà tài trợ	Giá trị hiệp định vay		Cơ chế tài chính			Lũy kế dự nợ địa phương vay lại vốn nước ngoài của Chính phủ đến cuối năm 2022	Năm 2023			Năm 2024					Dự nợ vay cuối năm 2024	
				Tổng số	Trong đó			Số tiền	Loại tiền	NSTW cấp phát	Địa phương vay lại	Lãi và phí địa phương phải trả cho khoản vay lại		Thực hiện vay năm 2023	Nợ gốc phải trả	Lãi và phí phải trả	Kế hoạch vay lại năm 2024 theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND	Điều chỉnh kế hoạch vay lại năm 2024	Tăng/giảm	Trả nợ			
					Vốn đối ứng	Vay ưu đãi vốn ODA														Tổng	Trong đó:		
								Nợ gốc	Lãi và phí phải trả														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2,918,312</b>	<b>683,823</b>	<b>2,234,489</b>				<b>1,435,279</b>	<b>799,210</b>		<b>154,773</b>	<b>100,860</b>	<b>23,100</b>	<b>8,000</b>	<b>82,200</b>	<b>97,267</b>	<b>15,067</b>	<b>32,100</b>	<b>23,100</b>	<b>9,000</b>	<b>306,700</b>
1	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc	BVĐK Khu vực tỉnh	1858/QĐ-UBND ngày 07/7/2016; 3139/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	323,714	65,572	258,142	Ku Wait	11.55	Triệu USD	###	25,814	2%	22,379	0	1,300	550	-	-	-	2,000	1,300	700	19,779
2	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang" (VILG)	Sở TN&MT	3215/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 1854/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	134,468	21,222	113,246	WB	5.16	Triệu USD	79,272	33,974	2.75%	15,453		2,700	1,000		0	-	3,600	2,700	900	10,053
3	Tiểu dự án: Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú, thuộc dự án: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long	Sở NN&PTNT	24/QĐ-UBND ngày 26/01/2022; 3088/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	692,196	178,015	514,181	WB	29.24	Triệu USD	###	154,254	2.25%	75,343	60,860	12,000	3,000		15,067	15,067	14,500	12,000	2,500	127,270
4	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	UBND TP. Long Xuyên	2251/QĐ-UBND 14/9/2018	1,287,322	375,322	912,000	WB	40.00	Triệu USD	###	410,400	2.5%	41,598	40,000	7,100	3,450	36,505	36,505	0	10,600	7,100	3,500	103,903
5	Dự án Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi An Giang	Ban QLDA ĐTXD KV tỉnh	168/QĐ-TTg ngày 04/02/2021; NQ số 25/NQ-HĐND ngày 28/9/2023	480,612	43,692	436,920	Chính phủ Áo	16.50	Triệu EUR	###	174,768	1.25%	0	0	0		45,695	45,695	0	1,400		1,400	45,695